

Số: 48/QĐ-CT

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch giám sát năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP TUYÊN BÌNH

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-CT ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang "V/v Phê duyệt phương án chuyển đổi, sắp xếp Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Tuyên Bình thành Công ty hai thành viên";

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình;

Căn cứ Kế hoạch số 12/KH-CT ngày 25/10/2025 của Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình về kế hoạch kinh doanh và tài chính năm 2026;

Căn cứ chức năng quyền hạn của giám đốc Công ty được phân cấp quản lý.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch giám sát năm 2026 cho các phòng nghiệp vụ, đội lâm nghiệp thuộc Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình.

(Kèm theo biểu Kế hoạch SXKD và Kế hoạch giám sát 2026)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Giao phòng KH-KT tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra giám sát các đội lâm nghiệp, tổng hợp báo cáo Ban lãnh đạo Công ty về tình hình, kết quả thực hiện hàng tháng, cả năm.

2. Giao phòng Kế toán dự toán chi phí, chuẩn bị nguồn tài chính đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch; thanh quyết toán theo đúng quy định Nhà nước cũng như Quy định nghiệm thu thanh toán của Công ty.

3. Giao phòng Quản lý bảo vệ rừng phối hợp với các phòng chuyên môn, đội lâm nghiệp quản lý tài sản rừng và đất rừng, trực tiếp tham mưu giải quyết các sự vụ có liên quan đến rừng và đất rừng.

4. Giao đội trưởng, phụ trách các đội lâm nghiệp tổ chức triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra giám sát, tổ chức nghiệm thu các công đoạn hoàn thành.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực trong năm kế hoạch 2026.

Ban giám đốc Công ty, trưởng các phòng nghiệp vụ, đội trưởng các đội lâm nghiệp, trưởng các tổ chức đoàn thể chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT.



Nguyễn Ngọc Thập

(Kèm theo Quyết định số: 48/QĐ-CT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyên Bình)

TT	Hạng mục	Tổng cộng			Chia theo đội													
		Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón (kg)	Nhu cầu cây giống	Đội Xuân Trung			Đội Tân Tiến			Đội Đoàn - KT			Đội Tân Hồng				
					Trung Trực		Xuân Vân		Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón	Nhu cầu cây giống	Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón	Nhu cầu cây giống	Diện tích (ha)	Nhu cầu phân bón	Nhu cầu cây giống	
	Công		164.120	253.100	169.80	50.350	40.700	43.19										7.950
I	Trồng mới	198,20	83.800	253.100	71,20	18.900	40.700	-	-	61,70	29.850	100.200	53,00	29.150	95.300	12,30	5.900	16.900
I	Trồng mới	140,10	71.850	253.100	22,30	11.100	40.700	-	-	54,50	26.500	100.200	53,00	29.150	95.300	10,30	5.100	16.900
+	Bạch Đàn	126,10	62.600	230.700	22,30	11.100	40.700	-	-	42,60	21.200	81.600	53,00	26.200	95.300	8,20	4.100	13.100
+	Keo lai	10,10	6.000	14.600	-	-	-	-	-	8,00	3.000	10.800	-	2.000	-	2,10	1.000	3.800
+	Mỡ	3,90	3.250	7.800	-	-	-	-	-	3,90	2.300	7.800	-	950	-	-	-	-
2	Tái sinh chồi	58,10	11.950	-	48,90	7.800	-	-	-	7,20	3.350	-	-	-	-	2,00	800	-
II	Chăm sóc năm 2	239,62	38.670	-	57,50	20.800	18,89	3.900	18,89	70,50	11.270	62,03	600	600	30,70	2.100	-	-
1	Bạch Đàn trồng	141,33	-	-	9,50	-	6,80	-	-	40,80	-	-	58,63	-	25,60	-	-	-
2	Bạch Đàn Chồi	54,00	22.900	-	48,00	20.800	-	-	-	3,20	1.400	1,60	-	-	1,20	700	-	-
3	Keo lai	40,29	13.370	-	-	-	12,09	3.900	-	22,50	7.470	1,80	600	600	3,90	1.400	-	-
4	Mỡ	4,00	2.400	-	-	-	-	-	-	4,00	2.400	-	-	-	-	-	-	-
III	Chăm sóc năm 3	174,55	41.650	-	41,10	10.650	24,30	4.050	24,30	46,45	11.050	42,40	11.600	11.600	20,30	4.300	-	-
1	Bạch Đàn trồng	99,90	30.700	-	3,70	1.200	13,60	4.000	13,60	31,70	10.400	37,00	11.600	11.600	13,90	3.500	-	-
2	Bạch Đàn Chồi	43,20	10.800	-	37,00	9.300	0,40	50	0,40	2,10	650	1,30	-	-	2,40	800	-	-
3	Keo lai	30,30	-	-	-	-	10,30	-	-	12,40	-	3,60	-	-	4,00	-	-	-
4	Mỡ+Quế	1,15	150	-	0,40	150	-	-	-	0,25	-	0,50	-	-	-	-	-	-
IV	Bảo vệ khép tán	760,61	-	-	197,40	-	48,81	-	48,81	225,22	-	217,05	-	-	72,13	-	-	-
V	Khai thác, tiêu thụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Diện tích	165,68	-	-	49,60	-	-	-	-	50,90	-	53,00	-	-	12,18	-	-	-
2	Sản lượng	11.897	-	-	4.109	-	-	-	-	3.789	-	3.200	-	-	800	-	-	-

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-CT ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty TNHH lâm nghiệp Tuyến Bình)

Nội dung giám sát	Tháng trong năm												Tần suất	Tỷ lệ giám sát	Đơn vị giám sát	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
1. Giám sát công tác sản xuất cây giống	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x		1 lần/tháng	100% số lô có hoạt động	Phòng KH-KT
2. Giám sát công tác trồng rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		3 lần/lô	100% số lô có hoạt động	Đội LN (Đội trưởng, đội phó, phụ trách đội)
3. Giám sát công tác chăm sóc rừng			x	x	x	x	x	x	x	x	x			01 lần/lô/năm	100% số lô có hoạt động	Đội LN (Đội trưởng, đội phó, phụ trách đội)
4. Giám sát công tác bảo vệ rừng (xem quy chế quản lý bảo vệ rừng và tuần tra)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		1 lần/tháng		Phòng QL BVR, đội lâm nghiệp
5. Giám sát tăng trưởng rừng													x	1 lần/năm		Phòng KH-KT, Đội LN
6. Giám sát khai thác rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		01 lần/lô khi có hoạt động	100% số lô có hoạt động	Phòng KH-KT, Đội LN
7. Giám sát công tác bảo dưỡng, làm mới đường lâm nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		01 lần/lô	100% số lô có hoạt động	Phòng KH-KT, Đội LN
9. Giám sát các hoạt động lâm nghiệp tác động đến nguồn nước													x	1 lần/năm		Phòng KH-KT, Đội LN
10. Giám sát tác động môi trường													x	1 lần/năm		Phòng KH-KT, Đội LN

